

NGÀNH NÔNG NGHIỆP ĐẨY MẠNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

ThS. Nguyễn Thị Lan Hương
Trưởng Chính trị tỉnh Thanh Hóa

Hội nhập kinh tế quốc tế trong ngành Nông nghiệp đã và đang mở ra các cơ hội lớn, giúp mở rộng thị trường nông sản để thúc đẩy thương mại, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm và doanh nghiệp, đồng thời, làm tăng khả năng thu hút đầu tư vào ngành Nông nghiệp.

Thành tựu

Với sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN năm 1995 và tiếp theo năm 2007 Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã đánh dấu sự khởi đầu của quá trình tham gia vào nền kinh tế toàn cầu, bình đẳng với tất cả các thành viên khác của tổ chức thương mại lớn nhất hành tinh. Năm bắt cơ hội này ngành Nông nghiệp Việt Nam rất tích cực trong việc hòa nhập cùng nền kinh tế quốc tế và đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của đất nước đó là: Tăng trưởng xuất khẩu và đa dạng hóa thị trường, sản phẩm xuất khẩu tạo điều kiện phát triển sản xuất trong nước, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. Kể từ khi tham gia hội nhập, Việt Nam đã có quan hệ thương mại ổn định với hơn 160 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, tăng gấp 3 lần so với thời kỳ trước đó. Các nước nhập khẩu nông sản Việt Nam ngày càng mở rộng từ Bắc Mỹ, châu Âu, Đông

Bắc Á, châu Úc sang Nam Mỹ, châu Phi và Tây Á; các thị trường nông sản chủ lực của Việt Nam là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN, EU, Hà Lan, Anh, Úc,... Hiện Việt Nam có tới 16 thị trường xuất siêu trên 1 tỷ USD, trong đó có 3 thị trường xuất khẩu trên 10 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 38% trong tổng kim ngạch xuất khẩu) là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và 3 thị trường nhập khẩu trên 10 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 52% trong tổng kim ngạch nhập khẩu) là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản. Hiện Việt Nam đã có 10 sản phẩm xuất khẩu với kim ngạch đạt trên 1 tỷ USD đó là: Gạo, cà phê, tôm, cao su, điều, hồ tiêu, sắn, rau quả, cá tra, lâm sản. Trong đó, nhiều mặt hàng chiếm ngôi vị xuất khẩu cao trên thị trường thế giới như: Chiếm vị trí thứ nhất về xuất khẩu hồ tiêu, điều; thứ hai đối với cà phê; thứ ba đối với xuất khẩu gạo và cao su; thứ tư đối với xuất khẩu thủy sản; thứ sáu đối với chè. Riêng năm 2014, trị giá xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đạt 25,7 tỷ USD,

chiếm tỷ trọng 17,2% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Bên cạnh đó, hội nhập đã giúp Việt Nam bước đầu vượt qua rào cản thuế quan đối với một số nông sản mà Việt Nam có thế mạnh xuất khẩu như gạo, thủy sản, tham gia vào cơ chế đấu thầu hạn ngạch quốc tế. Việc gia nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới cũng giúp Việt Nam tiếp cận với nguồn nguyên liệu ổn định hơn cho sản xuất, có chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh, thúc đẩy nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất để xuất khẩu.

Quá trình hội nhập cũng đã tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, khả năng cạnh tranh nông, lâm, thủy sản và tăng cường hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong đó, sự gia tăng cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu và doanh nghiệp nước ngoài đã tạo sức ép tích cực lên doanh nghiệp và các nhà sản xuất. Việc cải tiến khoa học công nghệ, đầu tư



phát triển sản phẩm được coi là yếu tố quan trọng hàng đầu trong sản xuất, giúp nâng cao chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao năng suất, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng và tiêu chuẩn chất lượng của các thị trường tiêu dùng khó tính. Nhiều kỹ thuật tiên tiến và các tiêu chuẩn kỹ thuật như VIETGAP, ISO, HACCP... đã giúp cho hàng nông, lâm, thủy sản Việt Nam ngày càng có uy tín trên thị trường quốc tế không chỉ với giá thành cạnh tranh, sản phẩm đặc thù mà còn đạt tiêu chuẩn chất lượng của những thị trường nhập khẩu khó tính nhất như Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ.

Thành tựu đạt được trong những năm qua của toàn ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã khẳng định tác động tích cực của hội nhập thương mại quốc tế đối với cơ cấu sản xuất trong nước, hướng tới xuất khẩu, gia tăng giá trị sản phẩm và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, trong nội bộ các ngành cũng có chuyển biến cơ cấu tích cực: Diện tích gieo trồng lúa giảm, diện tích các cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả có giá trị hàng hóa tăng nhanh; trong chăn nuôi, hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại thay thế dần mô hình chăn nuôi tận dụng nhỏ lẻ ở gia đình; kinh tế nông thôn cũng chuyển biến tích cực.

Thách thức

Tuy đã đạt được những thành tựu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế song ngành Nông nghiệp Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều thách thức đó là:

Sự gia tăng cạnh tranh và áp lực tới sản xuất, làm thu hẹp một số lĩnh vực sản xuất có khả năng cạnh tranh thấp. Sự hạn chế về vốn, công nghệ, năng lực sản xuất và trình độ quản lý khiến các nhà sản xuất và doanh nghiệp trong nước phải đối mặt với nguy cơ bị các tập đoàn toàn cầu và các doanh nghiệp lớn thôn tóm. Thực tế, sau 20 năm hội nhập cho thấy, trong khi một số ngành hàng tận dụng được các lợi thế do mở cửa

mang lại như lúa, cao su, cà phê, thủy sản, sản phẩm gỗ, thì cũng có một số ngành hàng phải thu hẹp sản xuất do phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh cao như đậu tương, bông...

Ngoài ra, vấn đề phát sinh tranh chấp thương mại nhưng năng lực giải quyết còn thấp cũng đang là một trong những thách thức lớn đối với Việt Nam. Khi Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, hàng hoá nông, lâm, thủy sản của ta có xu thế đối mặt với nhiều rào cản thương mại được các nước nhập khẩu đặt ra để bảo hộ sản xuất trong nước. Với các yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng và an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các vụ kiện chống trợ cấp, chống bán phá giá và tranh chấp thương mại là thực tế mà các doanh nghiệp và cơ quan quản lý của Việt Nam phải tiên lượng trước. Hiện nay, nhận thức về luật pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp của các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp chưa đầy đủ. Các hoạt động vận động hành lang còn chưa được chú trọng đúng mức; chưa có nhiều kinh nghiệm đối phó và thường rơi vào thế bị động khi tham gia giải quyết tranh chấp; doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp trong điều kiện này phải dựa chủ yếu vào các công ty luật và luật sư nước ngoài với mức chi phí khá cao; ý thức tự bảo vệ và chủ động tham gia kháng kiện không thật sự mạnh mẽ và chưa có kế hoạch đầu tư thích đáng vào lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, việc chậm điều chỉnh cơ cấu sản xuất để khai thác cơ hội thị trường và phát huy lợi thế so sánh của các vùng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình hội nhập của ngành Nông nghiệp. Cơ cấu sản xuất vẫn nặng về các sản phẩm truyền thống có giá trị thấp, chưa tận dụng được hết các cơ hội thị trường các sản phẩm mới có giá trị cao hơn. Tăng trưởng sản xuất chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu

vào, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu trên cơ sở áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Thiếu các quy hoạch vùng và các chính sách đầu tư phù hợp vào ngành nghề cụ thể mà thị trường trong nước và thế giới có nhu cầu cao và Việt Nam có thế mạnh sản xuất và có khả năng cạnh tranh.

Năng lực cạnh tranh thấp ở cấp quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm cũng là yếu tố dẫn đến hiệu quả phát triển của ngành chưa cao, chưa bền vững. Điều này do vốn đầu tư thấp, thiếu khoa học công nghệ tiên bộ, thiếu nguồn nhân lực lao động và quản lý chất lượng cao, hạ tầng chưa đồng bộ, hệ thống quản lý tiêu chuẩn và phát triển thị trường chưa đảm bảo, chưa tạo đủ thuận lợi cho nông sản Việt Nam tiếp cận với thị trường thế giới. Tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản còn phân tán, thể hiện ở kết cấu hạ tầng tại các vùng sản xuất tập trung chưa phát triển; quy mô đất đai còn nhỏ bé; các hợp tác xã và tổ chức kinh tế hợp tác chưa phát triển được nhiều hoạt động dịch vụ; hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước ở lĩnh vực nông nghiệp còn yếu kém, trong khi các doanh nghiệp tư nhân lại chưa phát triển, tính liên kết trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế. Khả năng cạnh tranh của sản phẩm thấp, tiêu chuẩn chất lượng chưa cao, chậm bắt kịp với các xu thế tiêu dùng mới, kiểu dáng công nghiệp và công nghệ quảng bá chưa gây được hiệu ứng cho người tiêu dùng. Cho tới nay, chỉ có rất ít thương hiệu và chỉ dẫn địa lý gắn với nông sản Việt Nam.

Giải pháp

Để phát huy toàn diện vai trò hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo môi trường thuận lợi, tăng nguồn lực, mở rộng thị trường, phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam bền vững, hiệu quả. Ngành Nông nghiệp đang nỗ lực thực hiện các giải pháp:

Nghiên cứu, đánh giá, dự báo tác động hội nhập. Cần phải thực hiện trong cả quá trình đàm phán và thực hiện các FTA, để cung cấp căn cứ cho quá trình đàm phán, đồng thời chỉ ra những rủi ro, ảnh hưởng có thể đối với ngành nông nghiệp nói riêng hay nền kinh tế Việt Nam nói chung khi tham gia các FTA.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản. Tái cơ cấu sản xuất các ngành hàng nông sản xuất khẩu chủ lực; Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh; Dựa trên lợi thế so sánh của ngành hàng và vùng sản xuất cùng với đặc điểm và tiềm năng của thị trường chính để có kế hoạch thu hút đầu tư, tổ chức sản xuất nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản đặc biệt là ở các khâu sau thu hoạch; Dựa trên định hướng thị trường, xác định đối tác, tổ chức các hoạt động dịch vụ hậu cần, kênh phân phối để xúc tiến thương mại và phát triển thị trường hiệu quả nhất cho nông sản xuất khẩu.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Thực hiện theo hướng rà soát năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dịch vụ hậu cần, kênh phân phối; Thông tin rộng rãi, đầy đủ, kịp thời, minh bạch về các vấn đề tiêu chuẩn, thủ tục kiểm soát và thực thi hàng rào kỹ thuật, vệ sinh, an toàn thực phẩm theo các FTA cho các đối tượng sản xuất kinh doanh; Chủ động nắm bắt và cập nhật các tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật mới của các thị trường nhập khẩu chính nhằm giữ vững thị phần; Cung cấp thông tin thị trường cho những mặt hàng chủ lực và thị trường chính; Tăng cường năng lực hội nhập cho đối tượng quản lý và trực tiếp sản xuất, kinh doanh; Tổ chức dịch vụ hỗ trợ và xúc tiến thương mại, hỗ trợ kinh doanh, tiếp cận các hệ thống phân phối, chuỗi bán lẻ, siêu thị, hiệp hội tiêu dùng, công ty xuyên quốc gia tại các thị trường nhập khẩu; Xây dựng chính sách và tổ chức lực lượng hỗ trợ doanh nghiệp



về các vấn đề pháp lý, giải quyết tranh chấp, phòng chống rủi ro khi tham gia thị trường quốc tế.

Tổ chức xây dựng lực lượng tham gia các tổ chức, liên minh quốc tế, như tham gia các tổ chức, liên minh kinh tế quốc tế để hỗ trợ doanh nghiệp xử lý các vấn đề liên quan đến pháp lý, giải quyết tranh chấp; Xây dựng, đào tạo lực lượng cán bộ để tham gia vào hoạt động của các liên minh, tổ chức quốc tế.

Cải cách thể chế, quản lý bộ máy nhà nước và tăng cường năng lực hội nhập của bộ máy quản lý nhà nước, triển khai tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu có năng lực thực hiện nghiên cứu thị trường, phân tích chính sách trong quá trình hội nhập; Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn về đàm phán, thương lượng, giải quyết tranh chấp; chịu trách nhiệm các vấn đề kỹ thuật; hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại để thực thi hiệu quả các FTA; Cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế; Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành; Phát huy vai trò của cơ quan đại diện ở nước ngoài phối hợp với doanh nghiệp và các cơ quan liên quan để mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại và thu hút đầu tư; hỗ trợ bảo

vệ quyền lợi của các doanh nghiệp Việt Nam; Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển các sản phẩm, ngành hàng cụ thể gắn kết với chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng hiệu quả cao và bền vững.

Điều chỉnh pháp luật, cơ chế chính sách, như rà soát các văn bản pháp luật, chính sách và tổ chức đã có để sửa đổi cho phù hợp với các cam kết; Xây dựng văn bản chính sách mới phù hợp với các nội dung cam kết và giải quyết vấn đề mới phát sinh; Tham mưu cho các ngành khác để xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến thương mại nông sản Việt Nam đáp ứng đúng yêu cầu trong các FTA.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hội nhập, đặc biệt là hàng rào kỹ thuật. Tổ chức phổ biến rộng rãi cho các đối tượng về nội dung, lộ trình và mức độ tác động trong tương lai của các FTA, tạo sự chủ động cho các đối tượng khác nhau tham gia quá trình hội nhập; Phổ biến cho doanh nghiệp để chủ động nắm bắt cơ hội, xác định định hướng đầu tư, hình thành chiến lược kinh doanh phù hợp với các FTA; Phổ biến cho các vùng, địa phương để hoàn chỉnh quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển để nắm bắt được cơ hội thương mại và đầu tư do các FTA mang lại./.